

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 495/2018/HNGĐ-ST

Ngày 03 – 5 – 2018.

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trinh Minh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn.

2. Bà Võ Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1471/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/3/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 99/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1974.(có mặt)

Thường trú: Số 31 đường số 7, tổ 6 ấp 2A, xã T, huyện C, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông Đoàn Văn L, sinh năm 1972.(vắng mặt)

Thường trú: Số 31 đường số 7, tổ 6 ấp 2A, xã T, huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn ngày 15/11/2017 và lời khai của nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà H và ông Đoàn Văn L kết hôn năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, Tỉnh Đ vào ngày 02/10/1996. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó trong sinh hoạt vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, ông L thường xuyên đánh đập bà H. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà H yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Văn T, sinh ngày 25/10/1996 và Đoàn Minh K, sinh ngày 06/12/1998; tất cả đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự khác: Không có.

- *Đối với bị đơn ông Đoàn Văn L:*

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông L đến Tòa án cung cấp lời khai, tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham dự phiên tòa nhưng ông L không đến Tòa án, không có lý do nên đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Đoàn Văn L; bị đơn ông Đoàn Văn L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H yêu cầu ly hôn với ông Đoàn Văn L, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn theo yêu cầu của một bên” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Đoàn Văn L cư trú tại xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của bị đơn ông Đoàn Văn L:

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông L đến Tòa án cung cấp lời khai, chứng cứ và tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham dự phiên tòa nhưng ông L không đến Tòa án, không có lý do; căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định xét xử vắng mặt ông L.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H đối với bị đơn ông Đoàn Văn L, xét thấy:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; đối với bị đơn ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, không có bất kỳ trở ngại khách quan nào khác nhưng vắng mặt không có lý do nên được xem bị đơn ông L từ bỏ nghĩa vụ chứng minh theo qui định tại Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà H cung cấp để xét xử vụ án.

Căn cứ lời trình bày của bà H và các chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện bà H và ông L kết hôn năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, Tỉnh Đ vào ngày 02/10/1996 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà H, ông L chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó trong sinh hoạt vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm

sống, ông L thường xuyên đánh đập bà H làm cho gia đình mất dần hạnh phúc, tình cảm vợ chồng giữa bà H, ông L ngày càng mất đi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông L là trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định chấp nhận yêu cầu của bà H ly hôn ông L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Văn T, sinh ngày 25/10/1996 và Đoàn Minh K, sinh ngày 06/12/1998; tất cả đã trưởng thành nên không đặt vấn đề giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự khác: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét trong vụ án này.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 96, 227, 228, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 1 Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6 Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với ông Đoàn Văn L:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H ly hôn ông Đoàn Văn L.
- Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Văn T, sinh ngày 25/10/1996 và Đoàn Minh K, sinh ngày 06/12/1998, tất cả đã trưởng thành.
- Về tài sản chung của vợ chồng và nghĩa vụ dân sự khác của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí HNGĐ-ST: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Trần Thị H chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Trần Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007941 ngày 01/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Bà Trần Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Đoàn Văn L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND.H Củ Chi;
- Chi cục THADS. H Củ Chi;
- UBND nơi cấp giấy CN kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP,HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức